TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng.

Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Điệp Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 6, xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-10-2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Điệp Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng và không nhường nhịn nhau; anh T không lo làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình; thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị Tr nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, giận dỗi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn dẫn đến ly thân từ tháng 8-2020 cho đến nay. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Điệp Trinh Th (nữ), sinh ngày 24-9-2011 và Điệp Minh H (nam), sinh ngày 11-01-2017, hiện nay anh T đang trực

tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Tr đồng ý giao các con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 18-11-2020, thể hiện: Nguyện vọng của cháu Điệp Trinh Th được tiếp tục sống chung với cha là anh Điệp Văn T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Điệp Văn T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; anh Điệp Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và Điệp Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011. Tuy chị Tr và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: chị Tr đồng ý giao hai con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản ý kiến về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung cháu Điệp Trinh Th và tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Điệp Minh H đã được 47 tháng 27 ngày tuổi, hiện nay anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo điều kiện chỗ ở, sinh hoạt hàng ngày ổn định nên cần giao cháu Trinh Th và Minh H cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. chị Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. chị Tr không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; anh T cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Tr và anh Điệp Văn T là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Điệp Trinh Th (nữ), sinh ngày 24-9-2011 và Điệp Minh H (nữ), sinh ngày 11-01-2017 cho anh Điệp Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 05 tháng 10 năm 2020, chị Tr đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0005218 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Tr và anh Điệp Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Minh Út